

CÔNG TY CỔ PHẦN SEN HOLDINGS VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SEN HOLDINGS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEN HOLDINGS VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SEN HOLDINGS VIETNAM., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109737419

3. Ngày thành lập: 26/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 14, tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904570206

Fax:

Email: office@senholdings.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020(Chính)
2.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
3.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hoá.	6612
4.	Lập trình máy vi tính	6201
5.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
6.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
7.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu; Cung cấp trực tuyến phần mềm; Dịch vụ thương mại điện tử; Thiết kế và quản trị website.	6311
8.	Cổng thông tin (Trừ thông tin nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
9.	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
10.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6499
11.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).	6619

12.	Hoạt động quản lý quỹ Chi tiết: Quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (Khoản 4, Điều 2, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP).	6630
13.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
14.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản theo Khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014.	6810
15.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Quản lý bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Tư vấn bất động sản.	6820
16.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
17.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
18.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
19.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Chi tiết: Quản lý hoạt động văn phòng, hành chính như lễ tân, chuyển phát thư, hệ thống sổ sách.	8211
20.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức họp báo)	8230
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.	8299
22.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
23.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
24.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
25.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
26.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
27.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
28.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo nội dung bị cấm)	7310
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
30.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
32.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
33.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ; Tư vấn về chuyển giao công nghệ.	7490

34.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới.	4610
35.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
36.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
37.	Xây dựng nhà để ở	4101
38.	Xây dựng công trình điện	4221
39.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp	4330
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Không bao gồm: bán buôn thiết bị thu phát sóng)	4652
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, văn phòng, dệt, may, da giày, điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Loại trừ bán buôn sách, báo.	4649
49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn và véc ni, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, giấy dán tường và phủ sàn, đồ ngũ kim và khoá, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su;	4663
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
52.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc khách hàng và tiếp thị qua điện thoại hoặc các phương tiện giao tiếp điện tử khác.	8220

53.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
54.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm.	5820
55.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh. (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
62.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
63.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Dịch vụ logistics; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ làm visa, hộ chiếu. (Không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không)	5229
65.	Đại lý du lịch	7911
66.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
67.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
68.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
69.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
70.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
71.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
72.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
73.	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511

74.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch	3600
75.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
76.	In ấn (Trừ loại Nhà nước cấm)	1811
77.	Giáo dục thể thao và giải trí (đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	8551
78.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	8552
79.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Điều 42 Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2009.	8610
80.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	8620
81.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CAO XUÂN NHẬT	Số 212 La Giang, khôi 3, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	183420737	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
2	PHẠM THỊ BÍCH LIÊN	P501 – H4, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.700.0 00	17.000.000.000	85,000	0171780001 34	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.700.0 00	17.000.000.000	85,000		

3	TRẦN THỊ LÊ DUNG	Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	001182003634
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CAO XUÂN NHẬT

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 183420737

Ngày cấp: 15/10/2014 Nơi cấp: CA Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: số 212 La Giang, Khối 3, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P1211, Chung cư C1, số 68 Kiều Mai, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: PHẠM THỊ BÍCH LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 27/09/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017178000134

Ngày cấp: 28/03/2017

Nơi cấp: Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: P501 – H4, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P501 – H4, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội